TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số 01/2022/HNGĐ-ST Ngày 26/01/2022 "V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh;
2. Ông Nguyễn Văn Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1996; địa chỉ: Đội 7, thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định; có mặt;

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, phường TS, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Chị Trương Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày:

Chị D và anh Nguyễn Văn L tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2013, đến ngày 24/12/2014 chị và anh Lmới tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do

anh Lcờ bạc dẫn đến nợ nần, hằng năm xã hội đen đến đòi nợ, anh còn đánh đập chị nhiều lần, chị D đã dẫn con về nhà mẹ đẻ ở thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh Bình Định sinh sống từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng chị đã không còn nữa, do vậy chị D yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lcó 2 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Y và Nguyễn Đăng D, cùng sinh ngày 12/4/2014. Chị hiện nay đang làm việc tại Công ty Olam Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh bình Định, thu nhập được tính theo sản phẩm mỗi tháng khoảng từ 3.000.000đ – 3.500.000đ, thời gian làm việc buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; buổi chiều từ 12 giờ đến 18 giờ, vì làm việc gần nhà nên chị có thời gian đưa đón con đi học và chăm lo cho các con. Chi phí trung bình cho các cháu bao gồm ăn uống, quần áo, thuốc men, học tập và các chi phí khác mỗi tháng khoảng 3.700.000đ/1cháu. Hiện nay chị D và các con đang ở chung nhà với cha mẹ đẻ nên cha mẹ chị có thể phụ giúp chị trong việc chăm sóc, đưa đón các cháu. Anh Lthường xuyên đi làm vắng nhà, không có thời gian chăm sóc con hơn nữa anh Lcờ bạc, nợ nần, cha mẹ anh Lđi làm rẫy ở xa nhà không có thời gian phụ giúp chăm sóc các cháu. Do vậy chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 2 con và yêu cầu anh Lcấp dưỡng nuôi hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ/1cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02/2022 cho đến khi cháu Y và cháu D đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung: Chị D và anh Lcó tài sản chung là một chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius; biển số 81G1-287.64, trị giá 19.500.000đ, tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 chị và anh Lđã thỏa thuận giao cho chị được sở hữu chiếc xe để chị có phương tiện đi làm và chở con đi học nên đề nghị Tòa án ghi nhận trong bản án.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D và anh Lcòn nợ tiền thuê nhà của chị Nguyễn Thị Hiệp là 7.600.000đ, tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 chị và anh Lđã thỏa thuận để anh Ltrả hết số tiền còn nợ cho chị H.

2. Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Bích D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013 đến ngày 24/12/2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã A. Trong quá trình chung sống khi nào anh làm không có tiền thì chị D lại kiếm chuyện gây gỗ dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Tuy nhiên mâu thuẫn cũng không có gì lớn. Tháng 5 năm 2021 chị D tự ý dẫn con về nhà cha mẹ đẻ sống mà không rõ nguyên nhân vì sao. Anh vẫn mong muốn vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau để nuôi dạy con, nhưng chị D cũng như gia đình chị D đã không tạo điều kiện để anh gặp mặt, để hóa giải mâu thuẫn, nhiều lần Tòa án tổ chức việc hòa giải nhưng chị D không có mặt hoặc khi có mặt thì vẫn cương quyết ly hôn. Do vậy tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 cũng như tại phiên tòa anh Lđồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 2 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo Y, và cháu Nguyễn Đăng D, cùng sinh ngày 12/4/2014. Anh Lcó công việc và thu nhập ổn định, anh làm rẫy cùng cha mẹ tại huyện Kông Chro, ngoài ra anh còn buôn bán thêm, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000đ. Thời gian làm việc của anh là sáng

đi, chiều tối về, nếu lúc mùa vụ phải trông coi nhân công làm việc thì anh ở lại. Anh Lở chung với cha mẹ nên có có thể phụ giúp trong việc chăm sóc con, nhà anh ở Trung tâm thị xã, gần trường học thuận tiện cho các con học tập, nhà cửa rộng rãi, thoáng mát tốt cho các cháu phát triển. Chị D từ lúc kết hôn với anh chỉ ở nhà trông con, mọi chi phí, sinh hoạt trong gia đình đều do một mình anh gánh vác. Chị D hiện không có việc làm ổn định, không có nhà ở, đang ở chung với cha mẹ ở vùng quê, xa trường học, xa Trung tâm y tế, mặt khác cha của chị D bị bệnh tâm thần nên các con anh sống chung sẽ làm ảnh hưởng tới sự phát triển của các cháu. Từ khi chị D dẫn các con về nhà cha mẹ đẻ, thì chị D và gia đình chị D đã ngăn cản không cho anh gọi điện cũng như thăm gặp con, đồng thời dạy các con anh những điều không tốt về cha nên anh Lkhông đồng ý để chị D nuôi con. Anh Lyêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D có tài sản chung là chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius; biển số 81G1-287.64, anh thống nhất trị giá xe là 19.500.000đ. Tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 cũng như tại phiên tòa anh đồng ý giao cho chị D sở hữu chiếc xe, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trong bản án.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị D có nợ tiền thuê nhà của chị Trương Thị H 7.600.000đ. Anh đã trả 4.000.000đ, số tiền còn nợ là 3.600.000đ, anh Ltự nguyện trả hết số tiền còn nợ cho chị H mà không yêu cầu chị D phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

3. Tại phiên tòa của chị Trương Thị H trình bày: Vào năm 2019 vợ chồng anh Lvà chị D có thuê nhà của chị và còn nợ tiền thuê nhà là 7.600.000đ, anh Lđã trả 4.000.000đ, số tiền còn nợ lại 3.600.000đ, chị H đồng ý để anh Lcó nghĩa vụ trả cho chị toàn bộ số tiền nợ trên.

4. Lời khai có tại hồ sơ của cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y và Nguyễn Đăng D thể hiện: Các cháu Y và Duy đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

5. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Bích D ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

- Về việc nuôi con, giao cho chị Nguyễn Thị Bích D trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Ngọc Bảo Y và cháu Nguyễn Đăng D cùng sinh ngày 12/4/2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 1.500.000đ/1cháu, thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi các cháu Y và cháu D đủ 18 tuổi và tự lập được.

- Về phân chia tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị D và anh Lộc, giao cho chị D sở hữu chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe Sirius; biển số 81G1-287.64.

- Về phân chia nghĩa vụ chung về tài sản: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Lcó nghĩa vụ trả cho chị H số tiền còn nợ là 3.600.000đ.

- Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản với anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 5, phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn L chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2013 đến ngày 24/12/2014 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Lđược xác lập hợp pháp từ ngày 24/12/2014.Trong quá trình chung sống chị D và anh Lcó phát sinh mâu thuẫn nên chị D nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Theo kết quả xác minh đối với cha của anh Lvà mẹ của chị D thì vợ chồng chị D và anh Lcũng có mâu thuẫn, chị D đã dẫn con về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng chị D vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 cũng như tại phiên tòa chị D và anh Lthuận tình ly hôn nên cần công nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về việc nuôi con: Chị D và anh Lcó 2 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y và cháu Nguyễn Đăng D, cùng sinh ngày 12/4/2014. Chị D và anh Lđều yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét chị D và anh Lđều đang trong độ tuổi lao động, có công việc và thu nhập ổn định. Các cháu Y và Duy còn nhỏ nên cần có người thường xuyên bên cạnh để chăm sóc cho các cháu. Hiện nay các cháu đều đang đi học tại Trường Tiểu học Vĩnh Quang tại thôn Định Trung, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định. Theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh đối với Trưởng thôn Định Trung, Trưởng Công an xã Định Trung, cô giáo chủ nhiệm của cháu Y và cháu D thì hiện nay các cháu đều được đi học và đi học đều các ngày trong tuần, kết quả học tập bình thường, hạnh kiểm tốt, các cháu phát triển bình thường về thể chất và tâm lý. Chị D hiện có nơi ở ổn định cùng với cha mẹ đẻ, thời gian làm việc từ hằng ngày buổi sáng từ 07 giờ 30 phút

đến 11 giờ 30 phút; buổi buổi chiều từ 12 giờ đến 18 giờ, nơi làm việc gần nhà, được gia đình hỗ trợ trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con. Anh Lcó công việc và thu nhập ổn định, tuy nhiên anh Llàm rẫy và buôn bán tại huyện Kông Chro, thời gian làm việc từ sáng đến chiều tối, có khi phải ở lại không về, nơi làm việc xa nhà. Do vậy nếu giao cho anh Ltrực tiếp nuôi con thì không bảo đảm cho việc chăm sóc, nuôi dạy và tạo điều kiện cho các cháu học tập. Các cháu Y và Duy sinh đôi, đã sống cùng nhau từ nhỏ, nếu chia tách các cháu ở hai nơi cũng sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các cháu. Do vậy cần giao cho chị D trực tiếp nuôi cả hai con là cháu Y và cháu D mới bảo đảm tốt cho sự phát triển của các cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Do vậy chị D yêu cầu anh Lphải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 110, Điều 119 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận xem xét.

[4.1] Về mức cấp dưỡng, chị D trình bày chi phí trung bình hằng tháng cho các cháu là 3.700.000đ/1 cháu. Xét mức thu nhập của anh Lcũng như chi phí trung bình cho các cháu ở cùng độ tuổi, thấy yêu cầu của chị D là phù hợp nên cần chấp nhận, cần buộc anh Lphải cấp dưỡng với mức 2.000.000đ/1cháu/ tháng.

[4.2] Về phương thức cấp dưỡng, do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức cấp dưỡng, anh Ltrình bày có thu nhập thường xuyên mỗi tháng 12.000.000 đồng, nên cần quyết định việc cấp dưỡng được thực hiện theo định kỳ hằng tháng.

[4.3] Về thời gian cấp dưỡng, chị D yêu cầu thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02 năm 2022 cho đến khi cháu Y, cháu D đủ 18 tuổi và tự lập được. Yêu cầu của chị D là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về phân chia tài sản chung: Chị D và anh Lcó tài sản chung là 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS; biển số đăng ký 81G1-287.64. Số đăng ký xe 81 001109, do Công an thị xã A cấp cho anh Nguyễn Văn L ngày 05/4/2021. Trị giá xe là 19.500.000đ. Tại phiên hòa giải ngày 31/12/2021 và tại phiên tòa anh Lvà chị D thống nhất giao cho chị D sở hữu chiếc xe và đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận trong bản án. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị D và anh Lcó nợ chung là nợ chị Trương Thị H tiền thuê nhà 3.600.000đ. Tại phiên tòa chị D, anh Lvà chị H thỏa thuận giao cho anh Ltrả toàn bộ số tiền còn nợ cho chị H, chị D không phải trả nợ chung cho chị H. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Theo quy định tại khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và hướng dẫn tại tiểu mục số 11 Mục IV văn bản số 02/TANDTC –PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao, chị D và anh Lthuận tình ly hôn trước khi

mở phiên tòa nên mức án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (50% mức án phí), chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu 75.000đ, anh Nguyễn Văn L phải chịu 75.000đ.

- Án phí về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ.

- Án phí về phân chia tài sản chung: Theo quy định tại khoản 7 Điều 26, điểm đ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, chị D và anh Lthỏa thuận với nhau về việc phân chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa và đề nghị ghi nhận việc thỏa thuận trong bản án, nên mức án phí phải chịu bằng 50% mức án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia. Do vậy chị D phải chịu án phí đối với tài sản được chia là (19.500.000đ x 5%) x 50% = 487.500đ.

- Án phí đối với phần nghĩa vụ chung về tài sản: Theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, anh Lphải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền còn phải trả cho chị H là 3.600.000đ x 5% = 180.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 6, khoản 7 Điều 26; điểm a, điểm đ khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích D và anh Nguyễn Văn L.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Bích D trực tiếp nuôi hai con là cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y, sinh ngày 12/4/2014 và cháu Nguyễn Đăng D, sinh ngày 12/4/2014, khi cháu Y, cháu D chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Nguyễn Ngọc Bảo Y và cháu Nguyễn Đăng D, mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu *(Hai triệu đồng)*. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 02 năm 2022, khi cháu Y và cháu D chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về phân chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho chị Nguyễn Thị Bích D được sở hữu tài sản chung của vợ chồng là 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS; biển số đăng ký 81G1-287.64. Số đăng ký xe 81 001109, do Công an thị xã A cấp cho anh Nguyễn Văn L ngày 05/4/2021.

5. Về phân chia nghĩa vụ chung về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, buộc anh Nguyễn Văn L phải trả cho chị Trương Thị H số tiền nợ chung của vợ chồng là 3.600.000đ (ba triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 75.000đ *(bảy mươi lăm nghìn đồng),* án phí đối với giá trị tài sản chung được nhận là 487.500đ (*Bốn trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng)*. Tổng cộng tiền án phí chị D phải nộp là 562.500đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0010039 ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A là 300.000đ và biên lai số 0010041 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A là 300.000đ, hoàn trả cho chị D 37.500đ (ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng), án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), án phí về thanh toán nghĩa vụ chung về tài sản là 180.000đ (một trăm tám mươi nghìn đồng). Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Lphải chịu là 555.000đ (năm trăm năm mươi lămnghìn đồng).

- Chị Trương Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị H tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010101 ngày 13/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, là ngày 26/01/2022.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai(để ghi vào sổ hộ tịch, số 118, quyển 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Bích Thảo